

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày: 11/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bé Em
2. Trần Thị Ngọc Diễm

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trương Phạm Duy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 25/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hồng N (Na), sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 353/1D, ấp A, xã M, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trình độ văn hóa: 1/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng S (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1952; vợ: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1994; con: có 01 người con sinh năm 1999; nhân thân: ngày 06/05/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 15 năm tù (chấp hành xong bản án ngày 29/01/2014); tiền án: không; tiền sự: ngày 07/06/2017, bị Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 144/QĐ-UBND); ngày 30/05/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 14 tháng (Quyết định số 21/QĐ-TA); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2022 cho đến nay, có mặt.

2. Lê Thanh T (T Bột), sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 113/1F, ấp A, xã M, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Lê Văn U, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2022 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Bùi Văn Q, sinh năm 1994, nơi cư trú: Số 286/TN, ấp 1, xã Th, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Tôn Thị V, sinh năm 1999, nơi cư trú: ấp Qu, xã V, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Văn R, sinh năm 1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 177B, khu phố B, Phường S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Số 177/2C, ấp C, xã M, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/01/2022, Nguyễn Hồng N điều khiển xe mô tô biển số 67M1-483.83 chở Lê Thanh T lưu thông trên đường Lạc Long Quân hướng từ xã N về xã M, thành phố Bến Tre. Khi đến khu vực trước tiệm sửa chữa máy nổ Hồng Nh của anh Bùi Văn Qu ở số 150G, ấp B, xã M, thành phố Bến Tre, thì N phát hiện 01 chân vịt bằng kim loại màu vàng, phần cùi cao 20cm, đường kính 13cm, dày 3,5cm, có 03 cánh quạt, mỗi cánh dài 60cm, chỗ rộng nhất 30cm, có trọng lượng 94kg để trước nhà và không có người trông coi nên rủ T lấy trộm thì T đồng ý nói “lấy thì lấy”. Để thực hiện ý định, N và T xuống xe đi vào và cùng nhau khiêng lấy chân vịt của anh Qu đem ra đặt lên xe mô tô biển số 67M1-483.83 rồi N điều khiển xe còn T ngồi sau ôm giữ chân vịt chở chạy về hẻm vườn Cây xanh thuộc xã M, thành phố Bến Tre. Tại đây, cả hai dừng xe lại, kêu xe Hoa lâm chở chân vịt trộm được đến vựa ve chai của anh Lê Văn R ở ấp C, xã M, thành phố Bến Tre bán được 9.450.000 đồng. N chia cho T 2.000.000 đồng, trả tiền thuê xe Hoa lâm 200.000 đồng, số tiền còn lại Nam tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ:

01 chân vịt bằng kim loại, màu vàng: phần cùi cao 20cm, đường kính 13cm, dày 3,5cm, có 03 cánh quạt, mỗi cánh dài 60cm, chỗ rộng nhất 30cm; chân vịt có trọng lượng 94kg (do Lê Văn R giao nộp).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG ngày 25/01/2022 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 chân vịt bằng kim loại, màu vàng: phần cùi cao 20cm, đường kính 13cm, dày 3,5cm, có 03 cánh quạt, mỗi cánh dài 60cm, chỗ rộng nhất 30cm; chân vịt có trọng lượng 94kg. Trị giá tài sản vào ngày 24/01/2022: 9.450.000 đồng (Bút lục: 41-43).

Quá trình điều tra, Nguyễn Hồng N và Lê Thanh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, kết quả thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác đã thu thập được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả chân vịt cho anh Bùi Văn Quốc, hiện bị hại không yêu cầu gì thêm. Anh Lê Văn R yêu cầu các bị can N và T bồi thường số tiền 9.450.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường và bị cáo T đã bồi thường cho anh R số tiền 2.000.000 đồng, riêng bị cáo N chưa bồi thường.

Tại cáo trạng số 29/CT-VKSTPBT ngày 25/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng N, Lê Thanh T về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:
 - + Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.
 - + Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.
 - + Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.
 - + Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.
 - + Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho anh Lê Văn R số tiền 7.450.000 đồng.

- Bị cáo N và bị cáo T khai nhận vào ngày 24/01/2022, bị cáo N đã rủ bị cáo T lấy trộm một chân vịt (dùng để chạy ghe, tàu) tại tiệm sửa máy nổ Hồng Nhật ở ấp B, xã M, thành phố Bến Tre thì T đồng ý. Cả hai bị cáo khiêng chân vịt lên xe máy do N điều khiển để đem đi bán với giá 9.450.000 đồng. N cho T 2.000.000 đồng, số tiền còn lại N tiêu xài cá nhân hết như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo T đã bồi thường cho anh R 2.000.000 đồng, cả hai bị cáo đồng ý liên đới bồi thường số tiền còn lại cho anh R là 7.450.000 đồng, các bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại có yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hồng N, Lê Thanh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/01/2022, tại khu vực ấp B, xã M, thành phố Bến Tre, Nguyễn Hồng N cùng với Lê Thanh T đã có hành vi câu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của anh Bùi Văn Qu 01 chân vịt bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 94kg trị giá 9.450.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố các bị cáo N, T về “Tội trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi các bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Xét về vai trò đồng phạm thì trong vụ án này các bị cáo có vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn tính phân công nhiệm vụ rõ ràng. Bị cáo N là người rủ rê và là người tích cực hơn khi thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo T. T là người thực hành với vai trò, mức độ thấp hơn so với N.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo N có nhân thân xấu đã bị kết án về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 07/06/2017, bị Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 144/QĐ-UBND); ngày 30/05/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 14 tháng (Quyết định số 21/QĐ-TA); bị cáo Tâm có nhân thân tốt. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Tâm được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại các điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo N, T là “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại cái chân vịt bằng kim loại, bị hại không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền các bị cáo đã bán chân vịt cho anh R với số tiền 9.450.000 đồng, bị cáo T đã trả lại cho anh Lê Văn R 2.000.000 đồng, anh Vũ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 7.450.000 đồng, bị cáo N đồng ý bồi thường, bị cáo T đồng ý liên đới cùng với bị cáo N bồi thường là sự tự nguyện của bị cáo T nên ghi nhận và buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho anh Lê Văn R số tiền 7.450.000 đồng.

[8] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do các bị cáo không có tài sản và nghề nghiệp ổn định.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng N, Lê Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2022.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng N, Lê Thanh T liên đới bồi thường cho anh Lê Văn R số tiền 7.450.000 (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng trong đó mỗi bị cáo bồi thường 3.725.000 (ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hồng N, Lê Thanh T, mỗi người phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Nguyễn Hồng N, Lê Thanh T liên đới nộp nộp 372.500 (ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng trong đó mỗi bị cáo nộp $\frac{1}{2}$.

Bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã M, TP. Bến Tre (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình